

Truyện thơ của các dân tộc (Kinh, Tày, Thái) từ góc nhìn so sánh qua truyện thơ có đề tài dũng sĩ diệt ác thú

Trịnh Khắc Mạnh¹

¹Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

15/02/2019

Ngày duyệt đăng:

10/3/2019

Từ khóa:

Văn học, truyện thơ; dũng sĩ; ác thú; dân tộc Kinh; dân tộc Tày; dân tộc Thái.

Tóm tắt

Một mảng văn học đặc sắc mà ba dân tộc Kinh, Tày và Thái đã sử dụng chữ viết cổ truyền của mình để sáng tác nên những tác phẩm bất hủ truyền lại đến hôm nay. Đó là thể loại truyện thơ: dân tộc Kinh có truyện thơ Nôm viết theo thể song thất lục bát, dân tộc Tày có truyện thơ Nôm viết theo thể thất ngôn trường thiên, dân tộc Thái có truyện thơ viết bằng chữ Thái cổ thể tự do. Mảng văn học này đã đóng góp nhất định vào lịch sử phát triển văn học của mỗi dân tộc nói riêng và lịch sử văn học Việt Nam nói chung. Để có cái nhìn so sánh văn học Việt Nam nói chung và truyện thơ giữa các dân tộc Kinh, Tày và Thái; bài viết chọn các tác phẩm có cùng đề tài cốt truyện về dũng sĩ diệt ác thú để phân tích, từ đó đưa ra một số nhận xét về sự giao thoa văn hóa, văn học giữa các dân tộc Kinh, Tày và Thái ở miền Bắc Việt Nam.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, có một nền văn hóa đa dạng và thống nhất trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Chữ viết là tài sản văn hóa, đánh dấu sự phát triển về văn hóa xã hội của mỗi tộc người. Chữ viết của các dân tộc trên đất nước ta, là vốn văn hóa vô cùng quý báu mà mọi người cần biết giữ gìn và phát huy. Trong số các dân tộc ở Việt Nam có chữ viết cổ truyền, thì hệ thống chữ viết của các dân tộc, như: chữ Nôm của dân tộc Kinh, chữ Nôm của dân tộc Tày, chữ Thái cổ của dân tộc Thái, v.v... là những chữ viết đã có lịch sử tương đối lâu đời và có tính hành dụng cao.

1. Vài nét về truyện thơ của ba dân tộc Kinh, Tày và Thái

Một mảng văn học đặc sắc mà ba dân tộc Kinh, Tày và Thái đã sử dụng chữ viết cổ truyền của mình để sáng tác nên những tác phẩm bất hủ truyền lại đến hôm nay. Đó là thể loại truyện thơ: dân tộc Kinh có truyện thơ Nôm viết theo thể song thất lục bát, dân tộc Tày có truyện thơ Nôm viết theo thể thất ngôn trường thiên, dân tộc Thái có truyện thơ viết bằng chữ Thái cổ thể tự do. Mảng văn học này đã có những đóng góp nhất định

vào lịch sử phát triển văn học của mỗi dân tộc nói riêng và lịch sử văn học Việt Nam nói chung.

1.1. Chữ Nôm và truyện Nôm thể lục bát của dân tộc Kinh

Chữ Nôm của dân tộc Kinh ra đời có ý nghĩa hết sức lớn lao, đánh dấu bước phát triển của nền văn hóa dân tộc, ý thức tự cường và khẳng định vai trò địa vị của tiếng Việt; đã đáp ứng được phần nào nhu cầu phát triển của nền văn hóa dân tộc, giai đoạn nước Đại Việt vững bước trong kỷ nguyên độc lập, tự chủ và thống nhất. Chữ Nôm ra đời, ở thời nhà Lý, chỉ đơn thuần là những chữ xuất hiện trong các văn bản với mục đích ghi tên người và tên đất. Thời nhà Trần thì phát triển thịnh hành và bắt đầu tạo nên văn học chữ Nôm với các bài phú, như: *Cư trần lạc đạo phú* 居塵樂道賦 và *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca* 得趣林泉成道歌 của vua Trần Nhân Tông (1258 - 1308), tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử; tiếp đến là *Hoa Yên tự phú* 花燕寺賦 của Lý Đạo Tái (1254 - 1334), đạo hiệu là Huyền Quang, tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và *Giáo tử phú*

教子賦 tương truyền của Mạc Đĩnh Chi (thế kỷ XIV). Bốn bài phú này, hiện còn được ghi chép trong sách *Thiên tông bản hạnh* 禪宗本行.

Từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX, trải qua các triều đại phong kiến, từ Mạc - Lê Trung Hưng - Tây Sơn và đến Nguyễn, tình hình chính trị, văn hóa, xã hội có nhiều biến đổi lớn lao. Các triều đại nhà nước phong kiến ở Việt Nam phát triển lúc thịnh, lúc suy; nhưng văn học Việt Nam nói chung và văn học chữ Nôm nói riêng, lại có sự phát triển mạnh mẽ. Nhiều cái mới trong sáng tác văn học nghệ thuật được hình thành cả về giá trị nội dung và hình thức nghệ thuật. Văn học chữ Nôm phát triển toàn diện về chất lượng nội dung và số lượng tác phẩm. Nhiều tác phẩm văn thơ Nôm có tư tưởng tiến bộ, thể hiện nhận thức và quan điểm ngoài khuôn khổ đạo lý chính thống của nhà nước phong kiến; và vì thế nhà nước phong kiến đã ban hành những chủ trương cấm đoán hay huỷ hoại nền văn học chữ Nôm⁽¹⁾. Nhưng việc sáng tác văn thơ Nôm là khuynh hướng tất yếu của phát triển lịch sử, nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa xã hội. Bên cạnh sự tiến bộ về giá trị nội dung tác phẩm, văn học chữ Nôm còn có sự phát triển về thể loại, nhằm góp phần vào sự hoàn thiện hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam. Văn học Việt Nam giai đoạn này, với sự đóng góp của văn học chữ Nôm đã xuất hiện những thể loại văn học mới, như: ca trù, diễn ca, truyện thơ lục bát, song thất lục bát và truyện thơ luật Đường, v.v..., đây là những thể loại sử dụng ngôn ngữ thi ca dân tộc.

Thể truyện Nôm lục bát phải kể đến là *Lâm tuyền văn* 林泉挽 của Phùng Khắc Khoan (1528 - 1613), gồm khoảng 200 câu, *Ngọa Long cương văn* 臥龍崗挽 gồm 136 câu và *Tư Dung văn* 思容挽 gồm 332 câu đều của Đào Duy Từ (1572 - 1634), *Hoán tỉnh châu dân từ của Đình Nho Hoàn* 喚省州民詞貼丁儒環 (1671 - ?), *Nhạc Xương phân kính* 樂昌分鏡 của Nguyễn Thế Nghi (thế kỷ XVI), *Song tinh bất dạ* 雙星不夜 gồm 2000 câu của Nguyễn Hữu Hào (? - 1713), *Sứ trình tân truyện* 使程新傳 gồm 600 câu của Nguyễn Tông Quai (1693 - 1767). Sau này có những tác phẩm truyện thơ Nôm lục bát được lưu hành sâu rộng trong nhân dân và được nhiều người học thuộc lòng, như: *Truyện Hoa tiên* 傳花箋 của Nguyễn Huy Tụ (1743 - 1790), *Đoạn*

trường tân thanh 斷長新青 của Nguyễn Du (1765-1820), *Sơ kính tân trang* 梳鏡新妝 của Phạm Thái (1777 - 1813), *Lục Vân Tiên* 蓼雲仙 của Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), v.v... Còn hàng loạt các tác phẩm thơ Nôm lục bát khuyết danh, như: *Nhị độ mai* 二度梅, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* 范載玉花, *Tống Trân - Cúc Hoa* 宋珍菊花, *Phượng Hoa* 芳花, *Hoàng Trừu* 黃儲, *Phan Trần* 潘陳, *Lưu Bình - Dương Lễ* 劉平揚禮, *Thạch Sanh* 石生, v.v...

1.2. Chữ Nôm Tày và truyện thơ Nôm của dân tộc Tày

Tày và Nùng là hai dân tộc có mối quan hệ mật thiết với nhau về huyết thống, về kinh tế, về văn hóa và chữ viết, v.v... Ở bài viết này chúng tôi giới thiệu về chữ Nôm Tày và truyện thơ Nôm dân tộc Tày. Người Tày có loại chữ truyền thống, được xây dựng trên cơ sở phái sinh của chữ Hán để ghi âm tiếng Tày và theo những nguyên tắc cấu tạo như chữ Nôm của người Kinh, chúng ta thường gọi là chữ Nôm Tày. Việc xác định thời điểm xuất hiện của chữ Nôm Tày cần được nghiên cứu tiếp tục, nhưng trên thực tế là người Tày đã dùng chữ Nôm của mình để sáng tác văn học từ khoảng thế kỷ XVI - thế kỷ XVII⁽²⁾ với những tác phẩm, như *Lượn tam nguyên* 論三元 của Bé Văn Phụng (thế kỷ XVI - XVII) và *Lượn tứ quý* 論四季 của Nông Quỳnh Vân (thế kỷ XVI - XVII).

Chữ Nôm Tày từng có một vai trò nhất định trong đời sống xã hội cư dân người Tày ở vùng núi phía Bắc nước ta. Chữ Nôm Tày ra đời, đã trở thành công cụ đắc lực cho sự phát triển nền văn hóa dân tộc Tày nói chung và ngôn ngữ Tày nói riêng. Hiện tại ở nhiều địa phương, như Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, v.v... còn lưu giữ khá nhiều văn bản Nôm Tày. Văn bản Nôm Tày có giá trị về nhiều mặt, như: văn học, nghệ thuật, phong tục, tín ngưỡng, lịch sử, địa lý, y học cổ truyền, v.v...; nhiều hơn cả là các tác phẩm văn học, nó chứa đựng những nét độc đáo mang đậm bản sắc dân tộc Tày. Các tác phẩm văn học có nhiều loại, có thể kể như: *Tuyện sli câu* (truyện thơ), *Sli lấu* (hát lễ cưới), *Lượn cọi* (hát giao duyên), *Then* (hát trong buổi lễ), v.v...

Truyện thơ Nôm của dân tộc Tày khá phong phú, hiện trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm có

các truyện thơ, như: *Toạng Tương* 仲襄, *Pác Đảo* 百教, *Bjooóc là* 下呂, *Nho hương* 儒香, *Chiêu đức* 昭德, *Nhân Lăng* 人陵, *Lý Thế Khanh* 李世卿, *Lưu Đài* - *Hán Xuân* 刘台汉春, *Nàng Kim* 娘金, *Nàng Ngọc Dong* 娘玉容, *Nàng Quyển* 娘媿, *Thị Đan* 氏單, *Nàng Ngọc Long* 娘玉龍, *Tống Tân* - *Cúc Hoa* 宋珍菊花, *Phạm Tử* - *Ngọc Hoa* 范子玉花, *Lý Lan* - *Thị Dung* 李羅氏容, *Lưu Bình* - *Dương Lễ* 刘平揚禮, *Lương Nhân* 良人, *Quảng Tân* - *Ngọc Lương* 廣珍玉良, *Lưu Bang* 刘邦, *Lưu Trương* 刘张, *Pây sử* 移使, *Đình Quân* 廷君, *Hoàng Trìu* 黃儲, *Thạch Sanh* (Thạch Seng) 石生, v.v...

Trong số các truyện Nôm Tây nêu trên, chúng ta thấy có một số truyện trùng tên và trùng cả đề tài cốt truyện với truyện Nôm dân tộc Kinh, như: *Tống Tân* - *Cúc Hoa* 宋珍菊花, *Phạm Tử* - *Ngọc Hoa* 范子玉花, *Lưu Bình* - *Dương Lễ* 刘平揚禮, *Hoàng Trìu* 黃儲, *Thạch Sanh* 石生, v.v...

1.3. Chữ Thái và truyện thơ dân tộc Thái

Di sản chữ cổ của người Thái rất phong phú, có vai trò khá lớn trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của đồng bào Thái. Ở một số tỉnh có đồng bào Thái cư trú như Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Thanh Hóa, Nghệ An, v.v... các ngành văn hóa và một số cá nhân đã tổ chức sưu tầm, nghiên cứu các văn bản chữ Thái cổ. Theo truyền thuyết thì Lò Lệt (thế kỉ XIII) là người có công làm cho chữ viết này dùng rộng rãi trong đồng bào Thái vùng Tây Bắc. Theo ý kiến của các nhà nghiên cứu chữ Thái cổ, hiện ở nước ta có tới 8 loại chữ Thái cổ khác nhau: chữ của người Thái Đen ở Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai; chữ của người Thái Trắng ở huyện Phong Thổ, Lai Châu; chữ của người Thái Trắng ở các huyện Mường Lay, Mường Tè (Lai Châu) và một bộ phận ở Quỳnh Nhai, Sơn La; chữ của người Thái Trắng ở huyện Phù Yên tỉnh Sơn La; chữ của người Thái Trắng ở Mộc Châu (Sơn La), Mai Châu, Đà Bắc (Hòa Bình). Chữ của người Thái Đen ở Tây Thanh Hoá, Nghệ An; chữ Thái Quì Châu (Nghệ An); chữ Lai Pao ở Tương Dương (Nghệ An); chữ của người Thái Thanh ở Tây Thanh Hoá, Nghệ An. So sánh các kiểu chữ Thái ở nước ta, nhiều người

cho rằng chữ Thái Đen và các dạng chữ Thái Trắng ở Tây Bắc về cơ bản giống nhau. Trong kho sách Hán Nôm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, hiện cũng có một số tác phẩm Hán Nôm ghi chép về chữ Thái, như:

- *Hung Hóa ký lược* 興化記略 (còn có tên *Hung Hóa địa chí* 興化地志) do Phạm Thân Duật biên soạn và viết tựa năm Tự Đức Bính Thìn (1856). Tác phẩm ghi chép về địa chí của tỉnh Hưng Hóa (gồm 4 phủ, 6 huyện, 16 châu) thời ấy, một dải đất miền Tây Bắc nước ta từ hữu ngạn sông Hồng đến biên giới phía nam Trung Quốc và đông bắc Lào. Nội dung chính của *Hung Hóa ký lược* gồm có 12 mục, trong đó mục 11 ghi *Thổ tự* (chữ Thái) và mục 12 ghi *Thổ ngữ* (ngôn ngữ Thái), theo PGS.TS. NGƯT.Hoàng Lương thì đó là chữ Thái của đồng bào Thái ở Tây Bắc hiện nay⁽³⁾

- *Thanh Hóa quan phong* 清化觀風 do Vương Duy Trinh soạn năm Thành Thái 15 (1903). Nội dung tác phẩm ghi các bài dân ca phản ánh phong tục, tập quán của nhân dân Thanh Hóa. Trong đó có một số bài hát của dân tộc miền núi ghi bằng chữ dân tộc, được phiên âm bằng chữ Hán và chữ Nôm, theo Phan Anh Dũng thì đây thực chất là một trong 8 dạng chữ Thái Việt Nam, phổ biến ở vùng núi Thanh Hóa và Nghệ An⁽⁴⁾

Chữ Thái đã được người Thái sử dụng trong sáng tác văn học nghệ thuật và nhiều tư liệu ghi chép hàng ngày, hay văn khế cùng thư từ trao đổi, v.v... Kho tàng truyện thơ của dân tộc Thái hết sức phong phú, có thể kể như: *Xống chụ xon xao* ,σΓ υX σoN σσς (Tiễn dặn người yêu), *Khun Lú* - *Nàng Úa* υθN υλ NαΓ o<, *Chương Han* EXΓ ηαN, *Quám Khun Tinh* KςαM θN τΓ, *Quám Kén Kèo* KςαM εκN εκς, *Quám Ngu Háu* KςαM υΓ Ηας (Truyện Mãng xà), *Tạng Nguyên* ΤαΓ υΓ#N (Trạng Nguyên), *Tạng Tư* ΤαΓ T (Trạng Tư), *Quám tô mường* KςαM, TEMΓ (Truyện kể bản Mường), *Táy pú xóc ψτ υφ Ασκ* (Người Thái đánh giặc), *Sam Lương* - *In Lái* σαMEλΓ ουN λαθ, *Pha Cáng* φα καΓ, *Náng Cống Cắm Đanh* ναΓ, κΓ εδΓ, *Phanh mường* εφΓ EMΓ (Yêu dấu bản Mường), *Péc mường* επκ EMΓ (Sự tích bản Mường), *Kham Panh* θαM επΓ, v.v... Theo Ngô Thị Phượng thì Thư viện tỉnh Sơn La đang lưu giữ khoảng 300 truyện thơ viết bằng chữ Thái cổ⁽⁵⁾. Gần đây, Viện Nghiên cứu Hán Nôm có tổ chức một lớp học chữ Thái cổ Sơn La và xuất bản cuốn *Tuyển tập văn học Thái* với sự tuyển chọn, giới

thiệu 2 tác phẩm là *Quám tô mường KçαM, TEMΓ* và *Nhá vãng xia lạ KçαMIXN ΛαΓ ΖαζαΓ Iξ Λα* (Lời truyền xưa đừng bỏ phi), đã góp phần vào việc giới thiệu và nghiên cứu khai thác vốn di sản văn hóa giá trị của dân tộc Thái.

Trong số các truyện thơ của dân tộc Thái có một số truyện có cùng cốt truyện với truyện thơ Nôm dân tộc Kinh, như: *Thạch Sanh* 石生 và *Quám Ngu Háu* KçαM υΓ Ηαζ, *Tám Cám* 糝 và *Ý Nội - Nàng Xưa* ιο Νοθ ΝοΓ Εσ, *Từ Thức* 徐式 và *U Thêm* → #ωM, *Tống Trân - Cúc Hoa* 宋珍菊花 và *Tạng nguyên* ΤαΓ υΓ #N, *Hoàng Trừu* 黃儲 và *Tạng Tư* ΤαΓ ΤΥ, *Nhị độ Mai* 二度梅 và *Phung lâu pổng on* υπΓ ΕΛα ποΓ οοN, *Truyện Kiều* 傳 翹 và *Quam Thư Cầu* KçαM Υω ΕΚα, v.v...

Qua sự mô tả ở trên, chúng ta thấy có sự giao thoa truyện thơ, trước hết là đề tài cốt truyện giữa các dân tộc Kinh, Tày và Thái. Theo chúng tôi, sự giao thoa này được thực hiện trên cơ sở tái tạo, tiếp nhận và cải biên truyện thơ của dân tộc Kinh, mà trước hết và phần nhiều là các truyện thơ không đề tên tác giả. Đó là ba truyện có cùng đề tài cốt truyện, như: *Tống Trân - Cúc Hoa* 宋珍菊花 (dân tộc Kinh, Tày) và *Tạng nguyên* ΤαΓ υΓ #N (dân tộc Thái), *Hoàng Trừu* 黃儲 (dân tộc Kinh, Tày) và *Tạng Tư* ΤαΓ ΤΥ (dân tộc Thái), *Thạch Sanh* 石生 (dân tộc Kinh, Tày) và *Quám Ngu Háu* KçαM υΓ Ηαζ (dân tộc Thái).

Để có cái nhìn so sánh văn học Việt Nam nói chung và truyện thơ giữa các dân tộc Kinh, Tày và Thái nói riêng; chúng tôi chọn các tác phẩm có cùng đề tài cốt truyện về dũng sĩ diệt ác thú để phân tích, từ đó đưa ra một số nhận xét về sự giao thoa văn hóa, văn học giữa các dân tộc Kinh, Tày và Thái ở miền Bắc Việt Nam.

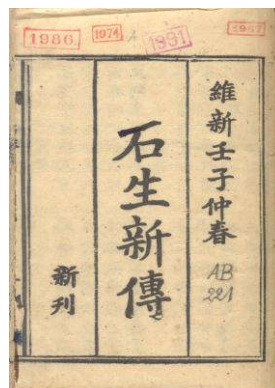
2. Truyện thơ có đề tài dũng sĩ diệt ác thú cứu công chúa của ba dân tộc Kinh, Tày và Thái dưới góc nhìn so sánh văn học

Truyện thơ có đề tài dũng sĩ diệt ác thú cứu công chúa, dân tộc Kinh có truyện Nôm viết theo thể lục bát có tiêu đề *Thạch Sanh*, dân tộc Tày có truyện Nôm viết theo thể thất ngôn có tiêu đề *Thạch Sanh*, dân tộc Thái có truyện thơ viết theo thể thơ tự do có tiêu đề *Quám Ngu háu*. Cốt truyện dũng sĩ diệt ác thú cứu công chúa, không những phổ biến ở Việt Nam mà còn

phổ biến trong văn học ở các nước Đông Nam Á và Ấn Độ với mô típ cốt lõi và hạt nhân là “dũng sĩ diệt đại bàng hoặc diệt rắn cứu người đẹp”⁽⁶⁾. Trong chuyên khảo *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, Nguyễn Bích Hà đã thống kê ở Việt Nam có 80 truyện cổ tích cùng kiểu truyện (type) với truyện *Thạch Sanh* và ở Đông Nam Á có 16 truyện cổ tích cùng kiểu truyện này⁽⁷⁾. Còn truyện thơ Nôm có tên *Thạch Sanh* của dân tộc Kinh bắt nguồn từ truyện cổ tích cùng tên *Thạch Sanh* và nội dung của hai loại truyện này về căn bản thống nhất, nhưng truyện thơ ra đời muộn hơn⁽⁸⁾. Sau đây xin giới thiệu nội dung truyện thơ dũng sĩ diệt ác thú cứu công chúa của các dân tộc Kinh, Tày và Thái.

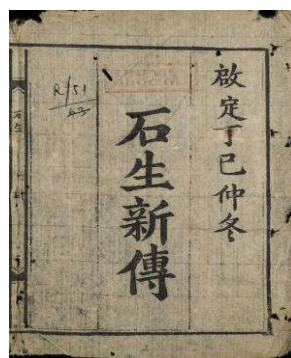
2.1. Truyện Thạch Sanh chữ Nôm của dân tộc Kinh

Tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện lưu giữ có 1 bản in năm Duy Tân Nhâm Tý (1912) với tiêu đề *Thạch Sanh tân truyện*, ký hiệu AB. 221, ảnh 1.



Ảnh 1

Tại Thư viện Quốc gia còn lưu giữ 5 bản *Thạch Sanh tân truyện*, với các ký hiệu: R.51, Khải Định Đinh Tý (1917, ảnh 2); R.1815, Khải Định Mậu Ngọ (1918); R.1523, Khải Định Giáp Tý (1924); R.1527, Khải Định Giáp Tý (1924); R.1882, không ghi năm.

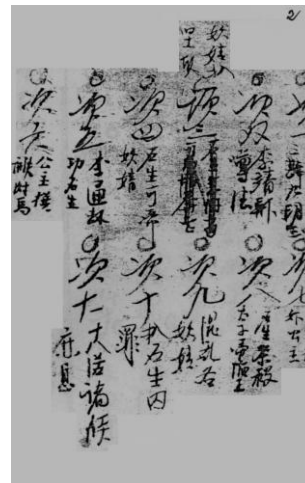


Ảnh 2

Hiện có nhiều bản phiên âm *Truyện Thạch Sanh*, nhưng phổ biến là hai bản phiên: *Truyện Thạch Sanh*, Huỳnh Lý và Nguyễn Xuân Lan giới thiệu, phiên âm và chú thích, Nxb. Văn học, 1971. *Truyện Thạch Sanh*, Mai Xuân Hải và Nguyễn Tá Nhí giới thiệu, phiên âm và chú thích, Nxb. Văn học, 1987. Nội dung cốt *Truyện Thạch Sanh* như sau: 1/ Mở đầu: Có gia đình Thạch Nghĩa quê ở Cao Bình, làm nghề kiếm củi, tuổi cao mà không có con. Ngọc Hoàng sai Thái tử xuống đầu thai và vợ chồng Thạch Nghĩa sinh ra Thạch Sanh. Ông bà Thạch nghĩa mất sớm, Thạch Sanh mồ côi, sống ở gốc đa kiếm củi nuôi thân. Ngọc Hoàng sai Tiên Ông (có bản ghi là Lý Tĩnh, có bản ghi là Lã Động Tân) xuống dạy phép thuật cho Thạch Sanh. 2/ Diễn biến: Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lý Thông, Thạch Sanh chém xà tinh cứu Lý Thông, Lý Thông cướp công Thạch Sanh và được phong làm Đô đốc. Công chúa con vua Viện Vương kén chồng bị đại bàng bắt đưa xuống hang, Thạch Sanh giết đại bàng cứu công chúa, Lý Thông đưa công chúa lên, lập hang giết Thạch Sanh và lại cướp công Thạch Sanh. Thạch Sanh dưới hang giết trăn tinh, cứu Hoàng Tử, thăm thủy cung, diệt Hồ tinh. Thạch Sanh trở lại trần gian và được tặng cây đàn thần, hồn xà tinh và trăn tinh báo thù Thạch Sanh, Thạch Sanh bị giam vào ngục, Thạch Sanh buồn rầu mang đàn thần ra gảy, Công chúa nghe tiếng đàn đòi gặp Thạch Sanh. Thạch Sanh kết duyên cùng Công chúa, Lý Thông bị trị tội. 3/ Đoạn kết: Khi đất nước bị giặc ngoại xâm, Thạch Sanh dùng đàn thần và niêu cơm thần đẩy lui quân địch. Thạch Sanh lên làm vua trị nước.

2.2. *Truyện Thạch Sanh* chữ Nôm của dân tộc Tày (có người phiên là Thạch Seng)

Có ý kiến cho rằng *Truyện Thạch Sanh* bắt nguồn từ dân tộc Tày ở Cao Bằng⁽⁸⁾. Trong bài viết này, chúng tôi không đề cập đến vấn đề này, mà tập trung nghiên cứu giới thiệu nội dung cốt truyện. Hiện chúng tôi có bản *Truyện Thạch Sanh* duy nhất do nhà nghiên cứu Hoàng Triều Ân cung cấp và công bố trong *Tổng tập truyện thơ Nôm các dân tộc thiểu số Việt Nam*, tập 9, Nxb. KHXH, 2010, ảnh 3.

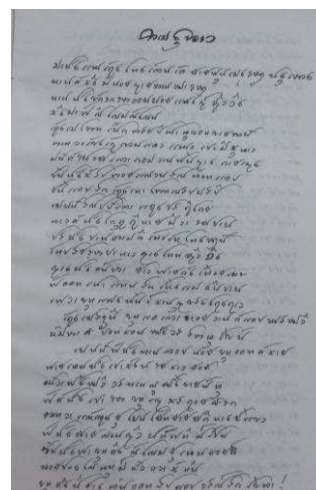


Ảnh 3. Trang đầu *Truyện Thạch Sanh* chữ Nôm Tà.

Nội dung *Truyện Thạch Sanh* của dân tộc Tày về cơ bản hoàn toàn giống nội dung cốt truyện của dân tộc Kinh, từ tên nhân vật và địa danh, đến những sự kiện và các tình tiết, v.v...

2.3. *Truyện Ngu hâu (Truyện măng xà) chữ Thái của dân tộc Thái (Sơn La)*

Văn bản tác phẩm hiện đang lưu giữ tại kho sách Địa chí Thư viện tỉnh Sơn La. Hội văn nghệ tỉnh Sơn La đã chép lại và giới thiệu trong cuốn *Truyện thơ và trường ca dân gian Thái*, Hội Văn nghệ - Sở Văn hóa Thông tin Sơn La, 1997. *Truyện Ngu hâu* mà chúng tôi tham khảo trong bài viết này được công bố trong phần Phụ lục luận án Tiến sĩ của Ngô Thị Phượng về *Nghiên cứu một số truyện thơ của dân tộc Thái ở Việt Nam có cùng đề tài với truyện thơ Nôm dân tộc Kinh*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, cùng ảnh chụp trang đầu *Truyện Ngu hâu* do chị cung cấp (ảnh 4).



Ảnh 4. Trang đầu *Truyện Ngu hâu*

Nội dung *Truyện Ngụ hầu* gồm các tình tiết như sau: 1/ Mở đầu: Nước Trung Vương có vị Công Tàn, sinh được người con trai tên là Lưu Vĩnh, Lưu Vĩnh lớn lên thông minh, tìm thầy học văn và thi đỗ thủ khoa, nhưng rồi chàng trở về quê hương sống cùng cha mẹ chịu cảnh nghèo khó. Lưu Vĩnh được cha truyền phép thuật và chàng điều khiển được đá, biến thành ngựa đá phục vụ chàng. 2/ Diễn biến: Bấy giờ ở đất Ngô có một công chúa rực rỡ như ngọc, nhưng buồn thay, đất nước xuất hiện mãng xà và được thiên nhiên phù trợ. Mãng xà hung tợn và quái ác, dân nước Ngô luân phiên nộp mạng, mất đến nửa dân lành. Rồi mãng xà đòi vua nộp công chúa, vua không đồng ý. Mãng xà gọi gió hô mưa, hồng thủy ập tới, khắp nơi nước tràn đỏ đục. Thương dân, vua đành hứa nộp công chúa sau 7 ngày và mật chiếu gửi khắp bản mường tìm người cứu công chúa. Đến ngày, mãng xà đưa công chúa vào rừng sâu và Lưu Vĩnh cũng nhận được chiếu thư. Lưu Vĩnh cưỡi ngựa đá vào rừng, đánh nhau và giết chết mãng xà, chàng đưa công chúa về cung và xin trở về quê. 3/ Đoạn kết: Vua mở hội và cúng vía cho công chúa, Lưu Vĩnh gặp lại công chúa và hai người kết hôn. Lưu Vĩnh lên làm vua trị nước và đón cha mẹ về cùng hưởng thái bình.

3. Một số nhận xét

Cốt truyện thơ dân gian kể về giết ác thú cứu công chúa đã được các dân tộc là Kinh, Tày và Thái có những điểm giống nhau, nhưng cũng có nhiều điểm khác nhau về hình thức nghệ thuật và tình tiết nội dung truyện, chúng tôi xin nêu một số vấn đề sau:

3.1. Về hình thức nghệ thuật

Cả ba truyện đều được thể hiện theo hình thức thơ tự sự, nhưng có độ dài ngắn khác nhau liên quan đến cốt truyện và tình tiết sự kiện. *Truyện Thạch Sanh* của dân tộc Kinh theo thể thơ Nôm lục bát với 1872 câu⁽⁹⁾. *Truyện Thạch Sanh (Thạch Seng)* theo thể thơ Nôm thất ngôn trường thiên với 2015 câu⁽¹⁰⁾. *Truyện Ngụ hầu* của dân tộc Thái theo thể thơ tự do với 515 câu ngắn dài xen kẽ⁽¹¹⁾.

3.2. Về kết cấu nội dung truyện

Kết cấu truyện thơ dân gian kể về giết ác thú cứu công chúa của ba dân tộc Kinh, Tày, Thái có chung một motif chung là: dũng sĩ sinh sống trong hoàn cảnh khó khăn + dũng sĩ diệt thú dữ và cứu công chúa + kết hôn với công chúa và lên ngôi vua. Nhưng đi sâu vào từng chi tiết sự kiện từng truyện của mỗi dân tộc thì có khác nhau. Trước hết là, *Truyện Thạch Sanh*

của dân tộc Kinh và dân tộc Tày có nhiều tình tiết giống nhau với những chuỗi sự kiện: Thạch Sanh sống khó khăn + Thạch Sanh diệt xà tinh, diệt đại bàng và cứu công chúa, rồi diệt trăn tinh và hồ tinh + Thạch Sanh kết hôn với công chúa, đánh đuổi giặc và lên ngôi vua. Đi vào chi tiết *Truyện Thạch Sanh* của dân tộc Kinh và dân tộc Tày cũng có chỗ khác nhau, như: *Truyện Thạch Sanh* của dân tộc Kinh viết khi đại bàng cắp thì “Thạch Sanh đang lúc thần thơ, Thấy chim cắp một người mà bay; Giương cung chàng mới bắn ngay, trúng bên cánh tả chim rày liền rơi”; còn *Truyện Thạch Sanh* của dân tộc Tày viết: “Thạch Sanh đang dạo bước rừng hoang, Nhác thấy chim cắp người sự lạ; Đòi người chưa hề thấy bao giờ, chàng giương cung bắn ngay trúng đích”. *Truyện Ngụ hầu* dân tộc Thái cũng motif như *Truyện Thạch Sanh* của dân tộc Kinh và dân tộc Tày, nhưng ngắn gọn và đơn giản, ít chuỗi sự kiện, chỉ có: Lưu Vĩnh sống khó khăn + Lưu Vĩnh diệt mãng xà và cứu công chúa + Lưu Vĩnh kết hôn với công chúa và lên ngôi vua. Các chi tiết về Lưu Vĩnh và Thạch Sanh có nhiều điểm khác nhau, như: Lưu Vĩnh không mồ côi cha mẹ, còn Thạch Sanh mồ côi cha mẹ; phép thuật của Lưu Vĩnh do cha truyền lại, còn phép thuật của Thạch Sanh do Tiên giúp; Lưu Vĩnh không bị bạn hại, Thạch Sanh bị Lý Thông hại, v.v... Tuy có những khác nhau như vậy, nhưng về đề tài, nội dung cốt truyện đều chung motif là “dũng sĩ diệt ác thú cứu công chúa và lên ngôi vua”; nhằm khuyên răn con người chăm chỉ học tập, sống lương thiện, luôn khao khát chính phủ thiên nhiên, tích cực biến đổi xã hội và hướng đến một xã hội “quốc thái dân an”. Motip này khác với motif loại truyện thơ mà chúng ta thường gặp của ba dân tộc Kinh, Tày và Thái là “gặp gỡ + tai biến + đoàn tụ”.

3.3. Về nghệ thuật ngôn từ

Đọc kỹ ba tuyệt tác truyện thơ của dân tộc Kinh, Tày và Thái, chúng tôi cho rằng: ngôn từ trong mỗi truyện đã thể hiện tri thức, tâm hồn và không gian sinh sống của mỗi dân tộc. Theo chúng tôi *Truyện Thạch Sanh* của dân tộc Kinh, ngôn từ uyên thâm và nho nhã; *Truyện Thạch Sanh* của dân tộc Tày ngôn từ sinh động và chân thực; còn *Truyện Ngụ hầu* của dân tộc Thái, ngôn từ phóng khoáng và lãng mạn. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi không có điều kiện bàn sâu, xin trích đoạn cuối của ba truyện để chúng ta cùng tham khảo và đánh giá.

Truyện Thạch Sanh của dân tộc Kinh viết:

“Mới hay người ở thực thà,
Trời kia chẳng phụ ắt là thanh tao;
Cứ trong tích cũ chép sao,
Viện triều yên mỗi Nam giao vững vàng;
Bút hoa ghi chép tỏ tường,
Truyện này thông thả thư đường mà xem”.

Truyện Thạch Sanh của dân tộc Tày viết:

“Mười tám nước cây nhờ vua mới,
Thuận thiên thời địa lợi bình an,
Việc đồng ruộng nông trang yên trí,
Minh vương coi sông núi hòa bình,
Mở yến tiệc linh đình hoan hỷ,
Lập đài văn vui thú hát ca”.

Truyện Ngu hầu của dân tộc Thái viết:

“Chàng sai mổ trâu cảm tạ đấng tối cao,
Thầy mo thầy lang cầu cho bắt diệt,
Lời hát yêu thương của chúng dân dâng tràn khắp núi,
Chúc phúc cho cuộc sống thái bình,
Mừng cho đất nước phồn vinh,
Và đèn mỗi thường dân luôn lung linh bùng sáng”.

Di sản truyện thơ của các dân tộc Việt Nam rất phong phú, hiện còn hàng ngàn tác phẩm được lưu giữ ở các thư viện và các địa phương cũng như nhiều cơ quan khác. Bài viết này, những mong có thể đóng góp một phần nhỏ bé vào việc giới thiệu truyện thơ của ba dân tộc Kinh, Tày và Thái dưới góc nhìn so sánh văn học qua truyện thơ cùng đề tài cốt truyện “đứng sĩ diệt ác thú cứu công chúa”, góp phần vào sự nghiệp bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Chú thích:

1. Các chúa Trịnh, như Trịnh Tạc, Trịnh Cương và Trịnh Doanh; đã ban hành những lệ vào các năm 1663, 1718 và 1760; để thu hồi, tiêu hủy sách chữ Nôm đã in và không cho tiếp tục in sách chữ Nôm.
2. Hoàng Triều Ân: *Chữ Nôm Tày và thể loại truyện thơ*, Nxb. Văn học, 2003, tr.11.
3. Hoàng Lương: “Vị quan triều Nguyễn nghiên cứu chữ Thái cổ Việt Nam” trong *Người Tày - Thái cổ ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 325 - 329.

4. Phan Anh Dũng: “Về chữ Thái Việt Nam trong tác phẩm *Thanh Hóa quan phong*” *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (99) năm 2010, tr. 24 - 30.

5. Ngô Thị Phượng: *Nghiên cứu một số truyện thơ của dân tộc Thái ở Việt Nam có cùng đề tài với truyện thơ Nôm dân tộc Kinh*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, tr.39

5. Kiều Thu Hoạch: *Văn học dân gian người Việt - Góc nhìn thể loại*, Nxb. KHXH, 2006, tr. 326.

6. Nguyễn Bích Hà: *Thạch Sanh và kiểu truyện đứng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb. Giáo dục, 1998, tr.158

7. *Từ điển văn học* (Bộ mới), Nxb. Thế giới, 2004, tr.1622.

8. Phan Đăng Nhật: “Tìm hiểu Thạch Sanh ở Cao Bình - Hòa An - Cao Bằng”, *Tạp chí Văn học*, số 6 năm 1972. Hoàng Triều Ân: “Lời giới thiệu Truyện Thạch Sanh”, in trong *Tổng tập truyện thơ Nôm các dân tộc thiểu số Việt Nam*, tập 9, Nxb. KHXH, 2010, tr.162.

9. *Truyện Thạch Sanh*, Mai Xuân Hải và Nguyễn Tá Nhí giới thiệu, phiên âm và chú thích, Nxb. Văn học, 1987.

10. *Tổng tập truyện thơ Nôm các dân tộc thiểu số Việt Nam*, tập 9 (*Truyện Thạch Sanh* do Hoàng Triều Ân phiên dịch), Nxb. KHXH, 2010.

11. Ngô Thị Phượng: *Nghiên cứu một số truyện thơ của dân tộc Thái ở Việt Nam có cùng đề tài với truyện thơ Nôm dân tộc Kinh*, Luận án Tiến sĩ, tldd.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Triều Ân (2003), *Chữ Nôm Tày và thể loại truyện thơ*, Nxb. Văn học.
2. *Bảng tra chữ Thái - Việt* (2016), Vũ Xuân Hiền và Nguyễn Minh Tuân sưu tập, biên soạn, Nxb. KHXH.
3. Phan Anh Dũng (2010), “Về chữ Thái Việt Nam trong tác phẩm *Thanh Hóa quan phong*” *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (99).
4. Nguyễn Bích Hà (1998), *Thạch Sanh và kiểu truyện đứng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb. Giáo dục.
5. Kiều Thu Hoạch (2006), *Văn học dân gian người Việt - Góc nhìn thể loại*, Nxb. KHXH.
5. Hoàng Lương (2015), “Vị quan triều Nguyễn nghiên cứu chữ Thái cổ Việt Nam” trong *Người Tày - Thái cổ ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Trịnh Khắc Mạnh chủ biên, 3 tập, *Thư mục sách Hán Nôm của các dân tộc thiểu số Việt Nam* (2008, 2009, 2013), Nxb. KHXH.
8. Phan Đăng Nhật (1972), “Tìm hiểu Thạch Sanh ở Cao Bình - Hòa An - Cao Bằng”, *Tạp chí Văn học*, số 6.
9. *Tổng tập truyện thơ Nôm các dân tộc thiểu số Việt Nam* (2010), tập 9, Nxb. KHXH.
10. *Từ điển văn học*, Bộ mới, (2004) Nxb. Thế giới.
11. *Truyện Thạch Sanh* (1987), Mai Xuân Hải và Nguyễn Tá Nhí giới thiệu, phiên âm và chú thích, Nxb. Văn học.

Narrative poetry of the ethnicities Kinh, Tay and Thai through the comparative perspective of the poem Brave man kills beasts

Trinh Khac Manh

Article info

Received:

15/02/2019

Accepted:

10/3/2019

Keywords:

Literature; Narrative poetry; Brave man; Beast; Kinh ethnicity; Tay ethnicity; Thai ethnicity.

Abstract

Ethnicities Kinh, Tay, Thai used their traditional script to write immortal literary works that have remained so far. It is poetic genre: Kinh ethnic community composed Nom narrative poetics in seven-seven-six-eight-versed, Tay ethnicity made Nom narrative poetics in seven-word-versed saga, and Thai ethnicity used their own old script to create narrative poetics in free verses. Such special literary part certainly contributed to literary increasing history of each community in particular, and to Vietnamese literature history in general. In order to examine Vietnamese general literature of Kinh, Tay, Thai narrative poetics, the writing selects stories that are similar plot on the brave man kills beasts, to analyse and make some comments on the cultural and literary interaction between Kinh, Tay and Thai ethnicities in the North of Vietnam.
